TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2019/DS-PT
Ngày: 14 - 10 - 2019
V/v tranh chấp
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Phạm Phước Thiền

Ông Huỳnh Tuấn Khải

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2019/TLPT-DS ngày 16 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 264/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn B, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Võ Minh T, sinh năm 1973 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Minh Minh T1;

Địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số 70, khu phố 8, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (giấy ủy quyền ngày 15/5/2019).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Châu Thị B1, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Văn B -Nguyên đơn.

(Ông B, ông T, ông T2 và bà B1 có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/11/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Văn B trình bày:

Ông có thửa đất số 61, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.722 m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Ông đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 354096, số vào sổ cấp GCN: CS 03505 ngày 17/10/2016. Nguồn gốc thửa đất này là bà Lê Thị L (mẹ của ông B) tặng cho ông B.

Doanh nghiệp tư nhân Minh Minh T1 do ông Võ Minh T là chủ có thửa đất số 62 tiếp giáp với thửa đất 61, ranh giới giữa hai thửa đất có 03 cây cọc khuynh diệp để xác định. Ông T lợi dụng lúc ông vắng nhà nên đã lấn chiếm một phần diện tích đất của ông vào 2008 và tại thời điểm này mẹ của ông vẫn còn đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên phần đất lấn chiếm ông T đã san lấp nền và trồng trên đất 16 cây sao và 01 cây dừa. Ông có yêu cầu ông T không được trồng cây và trả đất cho ông nhưng ông T không đồng ý. Sau khi ông T san lấp nền, cọc khuynh diệp bị vùi lấp không còn, giữa ông và ông T tự cắm ranh mà không có sự thống nhất với nhau nên xảy ra tranh chấp. Ông T có gửi đơn đến Uỷ ban nhân dân xã Long Hựu Đông hòa giải ngày 06/11/2017 nhưng không thành nên ông khởi kiện đến Tòa án. Trong quá trình Tòa án giải quyết, ông có yêu cầu đo đạc định giá tài sản tranh chấp, ông đồng ý với Mảnh trích đo địa chính số 03 - 2018 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất H được Văn phòng đăng ký đất đai duyệt ngày 20/12/2018 và giá trị tài sản có tranh chấp do Hội đồng định giá huyện C đã định giá ngày 29/5/2019: Thửa đất số 61 là 392.000 đồng/m^2, thửa đất số 62 là 665.000 đồng/m^2; giá san lấp là 100.000đồng/m^2; 11 cây sao loại C giá 160.000 đồng/cây, 03 cây sao loại D là 100.000 đồng/cây, 02 cây sao loại E giá 50.000 đồng/cây và 01 cây dừa Loại E giá 100.000 đồng.

Qua kết quả đo đạc thì thửa đất của ông có diện tích đo đạc thực tế là 4.628.1m^2 gồm: (khu A,diện tích 4546.3m^2, khu B, diện tích 72.8m^2, khu C, diện tích 9m^2), so với Giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thiếu diện tích 93.9m^2. Trong đó, ông T lấn chiếm sử dụng một phần thửa số 61 có vị trí tại khu B, khu C. Ngoài ra, ông T còn lấn chiếm đất tại khu F, diện tích 51.6m^2, khu G, diện tích 101.9m^2, hiện ông đang sử dụng vị trí đất tại khu E, diện tích 4.3m^2, mặc dù các vị trí đất này có trong thửa đất số 62 của Doanh nghiệp tư nhân Minh Minh T2 nhưng đây cũng là đất của ông. Nay ông yêu cầu ông T - chủ Doanh nghiệp tư nhân Minh Minh T2 cùng vợ là bà Châu Thị B1 phải trả cho ông diện tích đất lấn chiếm là 235.3m^2 tại các khu B, C, F và G, còn vị trí đất tại khu E ông yêu cầu được tiếp tục sử dụng và kê khai đăng ký quyền sử dụng đất.

Bị đơn ông Võ Minh T chủ Doanh nghiệp tư nhân Minh Minh T1 do ông Huỳnh Văn T2 đại diện trình bày:

Ông T có đơn yêu cầu phản tố ngày 19/12/2017, đơn rút lại yêu cầu phản tố ngày 14/5/2019. Ông T chủ Doanh nghiệp tư nhân Minh Minh T1 có thửa đất số 62, tờ bản đồ số 1, diện tích 4.408 m^2, loại đất cơ sở sản xuất kinh doanh, tọa lạc ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Long An, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 758373, số vào sổ cấp GCN: CT 08126 ngày 05/9/2011 cho Doanh nghiệp tư nhân Minh Minh T1. Nguồn gốc thửa đất số 62 khi chưa hợp thửa có một phần là do ông T nhận chuyển nhượng của ông Trần Thành C diện tích 3.772m^2 (trong đó có một phần diện tích của ông Võ Văn H1 chuyển nhượng cho ông T, ông H1 là anh ruột của ông B) nhưng ông C đứng tên giấy chứng nhận nên ông C làm thủ chuyển nhượng cho ông T; một phần nhận chuyển nhượng của ông Phan Bảo Q thửa đất số 64, diện tích 636m^2 vào năm 2008. Khi nhận chuyển nhượng đất không có đo đạc thực tế và ông T được đứng tên quyền sử dụng đất đến khi chuyển cho Doanh nghiệp tư nhân Minh Minh T1 đứng tên (hợp thửa 62,64) thì có đo đạc lại. Ranh giới giữa thửa đất số 61 và 62 trước khi ông T san lấp nền là 03 cây cọc khuynh diệp để xác định ranh. Sau khi ông T san lấp nền thì cọc bị vùi lấp không còn, ông T và ông B tự cắm lại ranh mà không có sự thống nhất giữa hai bên nên phát sinh tranh chấp. Ông T đồng ý với Mảnh trích đo địa chính số 03-2018 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất H được Văn phòng đăng ký đất đai duyệt ngày 20/12/2018 và giá trị tài sản có tranh chấp do Hội đồng định giá huyện C đã định giá như ông B đã trình bày. Qua kết quả đo đạc thì thửa đất của Doanh nghiệp tư nhân Minh Minh T1 có diện tích đo đạc thực tế là 4.376.7m^2, so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích thiếu 31.3m^2. Trong đó, ông B có chiếm sử dụng vị trí tại khu E, diện tích 4.3m^2 nhưng vì diện tích nhỏ nên ông T vẫn để ông B sử dụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T có yêu cầu ông B trả đất lấn chiếm diện tích 40m^2 thuộc một phần thửa đất 62 của ông T nhưng ông T đã có đơn rút lại yêu cầu phản tố. Nay ông T2 xác định ông T có lấn chiếm đất của ông B vị trí tại khu B và khu C, tổng diện tích là là 81.8m^2 và có trồng trên đất 16 cây sao, 01 cây dừa các loại như ông B trình bày nên ông T đồng ý trả lại diện tích đất lấn chiếm này nhưng yêu cầu được trả bằng giá trị đất cho ông B, còn vị trí đất tại khu F, diện tích 51.6m^2, khu G, diện tích 101.9m^2 có trong thửa đất 62 thuộc quyền sử dụng đất của Doanh nghiệp tư nhân Minh Minh T1, ông T không lấn chiếm nên không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông B. Đối với khu E có diện tích 4.3m^2 thuộc thửa đất 62 của ông T nhưng hiện nay ông B đang sử dụng, ông T không đòi lại mà vẫn để cho ông B tiếp tục sử dụng và kê khai đăng ký đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Thị B1 trình bày:

Bà với ông T chủ Doanh nghiệp tư nhân Minh Minh T1 là vợ chồng với nhau, thửa đất số 62 là tài sản chung của vợ chồng bà. Bà đồng ý là vợ chồng bà có lấn chiếm đất của ông B có vị trí tại khu B và khu C, diện tích 81.8m^2 nên đồng ý cùng ông T trả lại diện tích đất này cho ông B. Đối với chi phí san lấp nền và cây trồng trên đất thì bà để ông T quyết định.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước quyết định:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 175,176 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 99, khoản 1 Điều 166, khoản 1 và 2 Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn B về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" với ông Võ Minh T chủ Doanh nghiệp tư nhân Minh Minh T1.

2. Buộc ông Võ Minh T chủ Doanh nghiệp tư nhân Minh Minh T1 cùng bà Châu Thị B1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông B diện tích đất 81.8m^2 tại khu B,C theo Mảnh trích đo địa chính số 03-2018 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất H được Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 20/12/2018.

Buộc ông B phải hoàn trả giá trị đất san lấp nền và cây trồng trên đất là 10.440.000 đồng cho ông Võ Minh T và bà Châu Thị B1.

Ông B được tiếp tục sử dụng diện tích đất 4.3m^2 tại khu F theo Mảnh trích đo địa chính số 03-2018 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất H được Văn phòng đăng ký đất đai huyện C duyệt ngày 20/12/2018 và được quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký, thực hiện nghĩa vụ với nhà nước để được cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với diện tích đất này.

Ông T được quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh diện tích thửa đất 62 của DNTN Minh Minh T1 cho đúng với thực tế đang sử dụng.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông Võ Minh T về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" với ông Võ Văn B.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/8/2019, nguyên đơn ông Võ Văn B kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý hoàn trả giá trị san lấp đất nền và cây trồng trên đất cho ông T và bà B1 số tiền 10.440.000 đồng; yêu cầu ông T và bà B1 trả cho ông diện tích đất 153,5m^2 thuộc thửa 62 tại khu F và khu G.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, và không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau để giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.
- Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Đất tranh chấp tại khu G và khu F, ông B không cung cấp được chứng cứ chứng minh thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông. Theo ranh cấp giấy thì hai khu đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bên bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông B hoàn trả giá trị san lấp cho bên ông T là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T đồng ý di dời cây trồng trên đất. Ngoài ra, bên bị đơn đồng ý để bên nguyên đơn tiếp tục sử dụng đất khu E nhưng bản án tuyên khu F là không chính xác. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông B, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, xét thấy:

[1] Về nguồn gốc đất

Thửa đất số 61 của ông B có nguồn gốc do mẹ của ông B là bà Lê Thị L tặng cho nguyên thửa vào năm 2016 nên không có đo đạc thực tế. Thửa đất số 62 của Doanh nghiệp tư nhân Minh Minh T1 (chủ doanh nghiệp là ông Võ Minh T) do ông T nhận chuyển nhượng của ông Trần Thành C và ông Phan Bảo Q năm 2008 không đo đạc thực tế. Ranh giới giữa thửa đất 61 và 62 được xác định bằng 03 cây cọc khuynh diệp. Năm 2011, ông T san lấp nền nên cọc ranh bị vùi lấp không còn, ông B và ông T tự cắm trụ xác định ranh, không có sự thống nhất với nhau nên phát sinh tranh chấp.

[2] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Văn B

[2.1] Ông B kháng cáo không đồng ý hoàn trả giá trị san lấp đất nền và cây trồng trên đất cho ông T và bà B1 với số tiền 10.440.000 đồng.

Thấy rằng, đối với vị trí đất tại khu B và khu C, diện tích 81.8m^2, ông T do ông T2 đại diện thừa nhận ông T, bà B1 có lấn chiếm đất của ông B và đồng ý trả lại cho ông B giá trị đất. Xét thấy, tại thời điểm ông T san lấp nền trồng cây thì bà L là người quản lý, đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 61 nhưng bà L không tranh chấp, ngăn cản hay khiếu nại gì. Việc ông T san lấp nền đã làm tăng giá trị đất, các cây trồng trên đất là những cây có giá trị nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, buộc ông T và bà B1 trả lại cho ông B khu B và khu C, diện tích 81.8m^2 và ông B phải bồi hoàn chi phí san lấp nền 8.180.000 đồng và giá trị cây trồng trên đất 2.260.000 đồng cho ông T và bà B1 là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông T đồng ý tự nguyện di dời các cây trồng trên đất tại khu B và khu C nói trên nên chấp nhận một phần kháng cáo của ông B, sửa một phần bản án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của ông T di dời 16 cây sao và 01 cầy dừa ra khỏi khu B và khu C. Ông B không phải bồi hoàn giá trị số cây trồng nêu trên.

[2.2] Ông B kháng cáo yêu cầu buộc ông T và bà B1 trả cho ông diện tích đất 153,5m^2 thuộc thửa 62 tại khu F và khu G.

Thấy rằng, thửa đất số 62 của ông T khi nhận chuyển nhượng của ông Trần Thành C và ông Phan Bảo Q năm 2008 không có đo đạc nhưng khi tiến hành lập thủ tục thuê đất, giao đất thì Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường có tiền hành đo đạc các thửa 62, 63, 64 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An duyệt ngày 06/4/2010, trích đo địa chính này được đối chiếu với Mảnh trích đo địa chính số 03-2018 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất H được Văn phòng đăng ký đất đai duyệt ngày 20/12/2018 thì thửa số 62 hiện nay là họp thửa 62 và thửa 64 và hai trích đo này trùng khớp nhau; căn cứ vào ranh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 62 thì khu F và khu G được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho Doanh nghiệp tư nhân Minh Minh T1. Thửa 61của ông B nhận tặng cho nguyên thửa từ bà L không có đo đạc thực tế. Ông B không có chứng cứ gì chứng minh khu G và khu F thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông. Ông B cho rằng đất bị thiếu diện tích so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp và yêu cầu ông T bà B1 trả lại đất bị lấn chiếm tại khu G và khu F là không có căn cứ chấp nhận, cần tuyên không chấp nhận yêu cầu này của ông B. Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định yêu cầu khởi kiện của ông B là không có căn cứ nhưng không tuyên trong quyết định của bản án là thiếu sót, nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm. Kháng cáo của ông B là không có cơ sở chấp nhận,

[3] Ngoài ra, bản án tuyên ông B được tiếp tục sử dụng diện tích đất 4.3m^2 tại khu F là không chính xác, mà phải là khu E mới đúng; bản án tuyên theo Mảnh trích đo địa chính số 03-2018 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất H được *"Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cần Đước"* duyệt ngày 20/12/2018 là không đúng vì mảnh trích đo này do Văn phòng đăng ký đất đai duyệt nên cũng cần sửa lại cho đúng.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông B, sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do sửa án sơ thẩm nên cần phải tính lại án phí mà ông B phải chịu như sau:

Ông B phải chịu 5.104.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ông T trả diện tích 153.5m^2 không được chấp nhận và 409.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với việc hoàn trả giá trị san lấp nền cho ông T, bà B1;

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, đối với vị trí đất tại khu E, diện tích 4.3m^2 thuộc thửa đất số 62 của Doanh nghiệp tư nhân Minh Minh T1, ông B có lấn chiếm sử dụng nhưng ông B và ông T không có tranh chấp, ông T không yêu cầu ông B trả lại mà để cho ông B tiếp tục sử dụng và được đăng ký kê khai quyền sử dụng đất là hoàn toàn tự nguyện nên cần ghi nhận nhưng buộc ông B chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng. Như vậy ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 5.513.000 đồng;

Ông T và bà B1 phải liên đới chịu 1.603.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với việc hoàn trả diện tích đất 81.8m^2 cho ông B.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên ông B kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Võ Văn B;

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước;

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 175,176 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 99, khoản 1 Điều 166, khoản 1 và 2 Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn B về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" với ông Võ Minh T chủ Doanh nghiệp tư nhân Minh Minh T1.

Buộc ông Võ Minh T chủ Doanh nghiệp tư nhân Minh Minh T1 cùng bà Châu Thị B1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Võ Văn B diện tích đất 81.8m^2 tại khu B và khu C.

Ghi nhận ông Võ Minh T tự nguyện di dời 16 cây sao và 01 cây dừa ra khỏi khu B và khu C.

Buộc ông Võ Văn B phải hoàn trả giá trị đất san lấp nền là 8.180.000 đồng *(Tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng)* cho ông Võ Minh T và bà Châu Thị B1.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn B về việc yêu cầu ông Võ Minh T và bà Châu Thị B1 trả diện tích đất 153,5m^2 thuộc thửa 62 tại khu F và khu G.

3. Ông Võ Văn B được tiếp tục sử dụng diện tích đất 4.3m^2 tại khu E và được quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký, thực hiện nghĩa

vụ với nhà nước để được cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với diện tích đất này.

Ông Võ Minh T được quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh diện tích thửa đất 62 của Doanh nghiệp tư nhân Minh Minh T1 cho đúng với thực tế đang sử dụng.

Vị trí đất tại các khu B, C, E, F và G được xác định theo Mảnh trích đo địa chính số 03-2018 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất H được Văn phòng đăng ký đất đai duyệt ngày 20/12/2018.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn B phải chịu 5.513.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông B được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000600 ngày 05/12/2017 và 1.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001092 ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước, ông B còn phải chịu 4.213.000 đồng.

Ông Võ Minh T và bà Châu Thị B1 phải liên đới chịu 1.603.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số 0000651 ngày 20/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước nên ông T và bà B1 còn phải liên đới chịu 1.303.000 đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Võ Văn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông B số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001512 ngày 15/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước.

6. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Đước;
- Chi cục THADS huyện Cần Đước;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thu